

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2023
DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN
BẢNG KẾT QUẢ CÁC KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐẠI HỌC QUỐC GIA VÀ ĐẠI HỌC VÙNG
TẤT CẢ CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	Tên Ngành	Mã hồ sơ	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	KV	ĐT	Điểm
1	CNKT Điện tử - Viễn thông	DLUN2300015	PHẠM NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	23/03/2005	KV2NT		16.75
2	CNKT Điện tử - Viễn thông	D23758368	NGUYỄN TẤN	HIỀN	Nam	22/03/2005	2		15.33
3	CNKT Điện tử - Viễn thông	D23986535	LÊ QUỐC	HUY	Nam	28/11/2005	1		16.90
4	CNKT Điện tử - Viễn thông	DLUN2300041	NGUYỄN HỒNG	LIÊN	Nữ	14/03/2005	KV2		17.85
5	CNKT Điện tử - Viễn thông	D23283735	NGUYỄN KHIÊM	THUẬN	Nam	25/05/2005	1		18.00
6	CNKT điều khiển và tự động hoá	D23126183	ĐOÀN TRẦN PHƯƠNG	ĐÔNG	Nam	27/04/2005	2NT		22.88
7	CNKT điều khiển và tự động hoá	D23750173	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	Nam	05/09/2005	3		19.30
8	CNKT điều khiển và tự động hoá	D23938686	LƯU KHANG	TUÔNG	Nam	18/04/2005	2		19.80
9	CNKT điều khiển và tự động hoá	D23453285	ĐẶNG NGUYỄN QUANG	UY	Nam	04/10/2005	2		20.90
10	CNKT điều khiển và tự động hoá	DLUN2300015	PHẠM NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	23/03/2005	KV2NT		16.75
11	CNKT điều khiển và tự động hoá	DLUN2300049	PHẠM BÁ	HOÀNG	Nam	12/08/2005	KV2NT		17.28
12	CNKT điều khiển và tự động hoá	DLUN2300041	NGUYỄN HỒNG	LIÊN	Nữ	14/03/2005	KV2		17.85
13	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D23121526	NGUYỄN QUỐC	HUÂN	Nam	25/02/2005	2		15.98
14	Công nghệ kỹ thuật môi trường	DLUN2300041	NGUYỄN HỒNG	LIÊN	Nữ	14/03/2005	KV2		17.85
15	Công nghệ sau thu hoạch	D23214941	LỤC HOÀNG Ý	HOA	Nữ	12/12/2005	2	06	20.80
16	Công nghệ Sinh học	DLUN2300034	NGUYỄN PHÚC GIA	AN	Nữ	15/08/2005	KV2		17.98
17	Công nghệ sinh học	D23124517	NGUYỄN CẢNH	ẤN	Nam	31/10/2002	2	03	15.75
18	Công nghệ sinh học	D23593432	ĐẶNG NHẬT	ANH	Nam	08/05/2005	1	06	22.05
19	Công nghệ sinh học	D23125637	KHANG NGUYỄN GIA	BẢO	Nam	31/12/2005	2		15.25
20	Công nghệ sinh học	D23710303	TÔ THÁI	BÌNH	Nam	15/03/2005	2		15.83
21	Công nghệ sinh học	D23214941	LỤC HOÀNG Ý	HOA	Nữ	12/12/2005	2	06	20.80
22	Công nghệ sinh học	D23538614	ĐÌNH TRƯỜNG NGUYỄN	KHANG	Nam	30/05/2005	2		15.48
23	Công nghệ Sinh học	DLUN2300047	HUYỄN TUẤN	KIỆT	Nam	17/09/2005	KV2NT		20.90
24	Công nghệ sinh học	D23510573	NGUYỄN NỮ NHẬT	PHƯƠNG	Nữ	08/03/2005	2		20.80
25	Công nghệ sinh học	D23836858	TRẦN TẤN	TÀI	Nam	13/07/2005	3		17.18
26	Công nghệ sinh học	D23172429	HOÀNG TRẦN THUY	TIÊN	Nữ	30/08/2005	2		16.25
27	Công nghệ sinh học	D23264504	TRẦN BẢO	TRÂM	Nữ	04/10/2005	2		18.63
28	Công nghệ sinh học	D23161025	HÀ THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	04/03/2005	2		17.78
29	Công nghệ sinh học	D23453285	ĐẶNG NGUYỄN QUANG	UY	Nam	04/10/2005	2		20.90
30	Công nghệ sinh học	D23409512	TRẦN HUY	VŨ	Nam	16/11/2005	2		17.05
31	Công nghệ Thông tin	DLUN2300025	PHAN QUỐC	ẤN	Nam	02/05/2005	KV1		21.65
32	Công nghệ Thông tin	DLUN2300033	NGUYỄN THÁI	ANH	Nam	28/01/2005	KV1		18.93
33	Công nghệ thông tin	D23710303	TÔ THÁI	BÌNH	Nam	15/03/2005	2		15.83
34	Công nghệ thông tin	D23641768	TRẦN QUỐC	HÀO	Nam	12/10/2005	3		16.53
35	Công nghệ thông tin	D23518605	DƯƠNG HUY	HÙNG	Nam	01/11/2005	1	06	18.50
36	Công nghệ thông tin	D23720791	TRẦN VÕ VIỆT	HÙNG	Nam	24/03/2005	1		17.03
37	Công nghệ thông tin	D23767546	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	09/10/2005	2		16.38
38	Công nghệ Thông tin	DLUN2300007	PHAN VÕ ĐỨC	HUY	Nam	18/12/2005	KV1		16.13
39	Công nghệ thông tin	D23986535	LÊ QUỐC	HUY	Nam	28/11/2005	1		16.90
40	Công nghệ thông tin	D23471685	NGUYỄN THẾ	KHẢI	Nam	16/04/2005	2		15.50
41	Công nghệ thông tin	D23647687	PHẠM VĨNH	KHANG	Nam	04/01/2005	1		18.63
42	Công nghệ Thông tin	DLUN2300037	PHẠM THANH	KHÁNH	Nam	23/07/2005	KV2		18.93

STT	Tên Ngành	Mã hồ sơ	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	KV	ĐT	Điểm
43	Công nghệ Thông tin	DLUN2300004	NGUYỄN THẾ	KIÊN	Nam	30/10/2005	KV2		16.45
44	Công nghệ thông tin	D23467340	HÀ QUỐC	KIÊN	Nam	21/08/2005	2NT		23.77
45	Công nghệ Thông tin	DLUN2300047	HUỖNH TUẤN	KIỆT	Nam	17/09/2005	KV2NT		20.90
46	Công nghệ thông tin	D23954285	VÕ VĂN	KIỆT	Nam	09/08/2005	1		16.73
47	Công nghệ thông tin	D23734635	LÊ ĐỨC	NGUYỄN	Nam	08/07/2005	2		20.48
48	Công nghệ thông tin	D23352034	NGUYỄN BÁ THIỀU KHÔI	NGUYỄN	Nam	06/08/2005	2		20.58
49	Công nghệ thông tin	D23545427	HUỖNH MINH	NHẬT	Nam	16/12/2005	3		16.33
50	Công nghệ thông tin	D23153547	PHAN LÊ UYÊN	NHI	Nữ	06/04/2005	2NT		16.18
51	Công nghệ thông tin	D23978970	CAO NGUYỄN MINH	PHONG	Nam	30/05/2005	1		18.00
52	Công nghệ thông tin	D23312056	HUỖNH TUẤN	PHONG	Nam	16/02/2005	3		16.00
53	Công nghệ thông tin	D23843263	NGUYỄN THIÊN	PHÚ	Nam	01/12/2005	1		17.50
54	Công nghệ thông tin	D23830943	VŨ HUY	PHƯƠNG	Nam	12/01/2005	1		18.60
55	Công nghệ thông tin	D23701872	THÁI THỰC	QUYÊN	Nữ	15/01/2005	1		15.10
56	Công nghệ thông tin	D23906381	NGÔ TRỌNG	QUYÊN	Nam	15/04/2005	2		21.25
57	Công nghệ thông tin	D23808218	LÊ VI	THIÊN	Nam	20/07/2005	2		19.25
58	Công nghệ thông tin	D23787981	TRẦN LÊ BẢO	THU	Nữ	03/06/2005	2		19.60
59	Công nghệ thông tin	D23283735	NGUYỄN KHIÊM	THUẬN	Nam	25/05/2005	1		18.00
60	Công nghệ Thông tin	DLUN2300038	TRỊNH KỶ	THỨC	Nam	26/03/2005	KV1		18.23
61	Công nghệ thông tin	D23268682	LÊ NHẬT	TIẾN	Nam	24/05/2005	2		17.55
62	Công nghệ Thông tin	DLUN2300003	HUỖNH VĂN	TUẤN	Nam	26/09/2005	KV1		15.85
63	Công nghệ thông tin	D23943535	HUỖNH VĂN	TUẤN	Nam	26/09/2005	1		15.85
64	Công nghệ thông tin	D23310405	NGUYỄN THANH	TÙNG	Nam	23/01/2005	2NT		18.40
65	Công nghệ thông tin	D23421807	PHẠM HOÀNG	VINH	Nam	05/09/2005	2		22.05
66	Công nghệ thực phẩm	D23121526	NGUYỄN QUỐC	HUÂN	Nam	25/02/2005	2		15.98
67	Công nghệ thực phẩm	D23548404	TRƯƠNG LÊ MINH	HÙNG	Nam	09/08/2005	3		15.33
68	Công nghệ thực phẩm	D23890259	NGUYỄN THUY GIA	KHÁNH	Nữ	21/02/2005	3		15.15
69	Công nghệ thực phẩm	D23314584	TRẦN HOÀNG	TƯỜNG	Nam	18/09/2005	3	03	18.35
70	Công nghệ thực phẩm	DLUN2300039	NGUYỄN THỊ LÊ	UYÊN	Nữ	09/07/2005	KV2		15.73
71	Công tác xã hội	D23527895	NGUYỄN ANH	THU	Nữ	31/08/2005	2		17.05
72	Công tác xã hội	D23314584	TRẦN HOÀNG	TƯỜNG	Nam	18/09/2005	3	03	18.35
73	Đông phương học	D23985107	NGUYỄN THU	HƯƠNG	Nữ	04/08/2005	2		15.33
74	Đông phương học	D23850857	TRẦN MINH THẾ	KIỆT	Nam	22/06/2005	1		15.95
75	Đông phương học	D23396846	PHẠM VŨ NHẬT	THẢO	Nữ	28/10/2002	1		16.40
76	Đông phương học	D23704896	BÙI THỊ THANH	THẢO	Nữ	17/11/2005	2NT		17.63
77	Đông phương học	D23459329	VÕ NGÔ ANH	THU	Nữ	13/02/2005	1		17.15
78	Đông phương học	D23961818	VÕ TRẦN ANH	THU	Nữ	24/08/2003	1		21.40
79	Đông phương học	D23142984	PHẠM TRẦN MAI	THY	Nữ	30/12/2005	2		18.58
80	Đông phương học	DLUN2300024	TRẦN THỊ BÍCH	HỒNG	Nữ	07/09/2005	KV2NT		16.10
81	Đông phương học	DLUN2300054	VÕ TRẦN ANH	THU	Nữ	24/08/2003	KV2		20.90
82	Giáo dục Tiểu học	D23290150	NGUYỄN HÙNG	DŨNG	Nam	22/12/2005	3	04	21.50
83	Giáo dục Tiểu học	D23214941	LỤC HOÀNG Ý	HOA	Nữ	12/12/2005	2	06	20.80
84	Giáo dục tiểu học	DLUN2300020	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	Nữ	05/08/2005	KV2		21.75
85	Giáo dục tiểu học	DLUN2300016	LÊ MINH	THẮNG	Nam	11/08/2005	KV3		21.25
86	Hóa dược	D23919204	TRẦN THẾ	ANH	Nam	27/02/2005	3		18.50
87	Hóa dược	D23767546	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	09/10/2005	2		16.38
88	Hóa dược	D23890259	NGUYỄN THUY GIA	KHÁNH	Nữ	21/02/2005	3		15.15
89	Hoá học	D23717854	TRẦN HOÀNG	LỘC	Nam	08/02/2005	2		15.63
90	Hoá học	D23304735	TRẦN THỊ TUYẾT	NHI	Nữ	13/08/2005	2NT		16.18
91	Hóa học	DLUN2300015	PHẠM NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	23/03/2005	KV2NT		16.75
92	Kế toán	DLUN2300012	NGUYỄN SONG Ý	AN	Nữ	01/09/2001	KV1		18.35

STT	Tên Ngành	Mã hồ sơ	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	KV	ĐT	Điểm
93	Kế toán	D23707914	TRẦN VĨNH	ÂN	Nam	13/02/2005	1		18.20
94	Kế toán	D23432175	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	ANH	Nữ	27/01/2005	3		20.10
95	Kế toán	DLUN2300015	PHẠM NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	23/03/2005	KV2NT		16.75
96	Kế toán	DLUN2300037	PHẠM THANH	KHÁNH	Nam	23/07/2005	KV2		18.93
97	Kế toán	D23739020	NGUYỄN NAM	KHÁNH	Nam	10/08/2005	2NT		18.60
98	Kế toán	DLUN2300041	NGUYỄN HỒNG	LIỄN	Nữ	14/03/2005	KV2		17.85
99	Kế toán	D23327390	LÂM ĐIỀU	LY	Nữ	17/06/2005	2		16.83
100	Kế toán	D23402869	LÊ THỊ THANH	NGỌC	Nữ	08/05/2005	1		16.23
101	Kế toán	D23829849	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	Nữ	30/05/2005	2		17.63
102	Kế toán	DLUN2300027	VŨ THỊ MINH	NGUYỆT	Nữ	20/03/2005	KV1		16.95
103	Kế toán	D23640282	PHẠM TẤN	PHÁT	Nam	23/08/2005	1		15.30
104	Kế toán	D23762626	NGUYỄN NGỌC XUÂN	PHƯƠNG	Nữ	16/11/2003	2NT		17.38
105	Kế toán	D23301326	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	QUYÊN	Nữ	29/03/2005	2		16.13
106	Kế toán	DLUN2300045	TRẦN NHƯ	QUỲNH	Nữ	01/01/2005	KV2		15.53
107	Kế toán	D23580621	NGUYỄN NGỌC DIỄM	QUỲNH	Nữ	18/11/2005	2		15.33
108	Kế toán	D23631453	NGUYỄN THỊ HOÀNG	THO	Nữ	27/12/1997	2		17.65
109	Kế toán	DLUN2300053	HÀ THÁI BẢO	TRÂM	Nữ	12/10/2005	KV2		16.75
110	Kế toán	D23187915	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	Nam	28/12/2005	2		22.13
111	Khoa học dữ liệu	DLUN2300048	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	08/11/2005	KV2		21.10
112	Khoa học dữ liệu	D23581709	NGUYỄN ĐỖ TUẤN	ANH	Nam	22/08/2005	1		21.23
113	Khoa học dữ liệu	D23298128	NGUYỄN THÀNH	CHẤN	Nam	05/04/2005	2		22.65
114	Khoa học dữ liệu	DLUN2300018	HOÀNG HẢI	DƯƠNG	Nam	16/11/2005	KV1		18.45
115	Khoa học dữ liệu	D23109385	HOÀNG HẢI	DƯƠNG	Nam	16/11/2005	2		17.95
116	Khoa học dữ liệu	D23497819	ĐỖ THỊ THÁI	HIỀN	Nữ	09/04/2005	1		21.65
117	Khoa học dữ liệu	DLUN2300007	PHAN VÕ ĐỨC	HUY	Nam	18/12/2005	KV1		16.13
118	Khoa học dữ liệu	D23352034	NGUYỄN BÁ THIỀU KHÔI	NGUYỄN	Nam	06/08/2005	2		20.58
119	Khoa học dữ liệu	D23303243	ĐÀO DUY LAM	PHƯƠNG	Nữ	15/01/2005	3		19.85
120	Khoa học dữ liệu	D23915732	NGUYỄN MINH	QUANG	Nam	16/08/2005	1		19.98
121	Khoa học dữ liệu	D23906381	NGÔ TRỌNG	QUYÊN	Nam	15/04/2005	2		21.25
122	Khoa học dữ liệu	D23317943	TRỊNH HỮU	TOÀN	Nam	06/04/2005	1		21.70
123	Khoa học dữ liệu	D23314584	TRẦN HOÀNG	TUÔNG	Nam	18/09/2005	3	03	18.35
124	Kỹ thuật hạt nhân	DLUN2300048	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	08/11/2005	KV2		21.10
125	Kỹ thuật hạt nhân	D23694231	TÔN VĂN GIA	BẢO	Nam	21/12/2005	2		22.50
126	Kỹ thuật hạt nhân	D23389127	BÙI THÀNH	ĐẠT	Nam	22/02/2005	2		17.88
127	Kỹ thuật hạt nhân	D23395709	VÕ NINH	GIÁP	Nam	22/03/2005	2		17.88
128	Kỹ thuật hạt nhân	D23875627	PHÙNG LÊ CHÍ	HIỆP	Nam	09/12/2005	3		19.43
129	Kỹ thuật hạt nhân	DLUN2300042	Trần Công	Minh	Nam	12/01/2005	KV1		17.08
130	Kỹ thuật hạt nhân	D23737878	TRẦN CÔNG	MINH	Nam	12/01/2005	2		16.58
131	Luật	DLUN2300012	NGUYỄN SONG Ý	AN	Nữ	01/09/2001	KV1		18.35
132	Luật	DLUN2300048	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	08/11/2005	KV2		21.10
133	Luật	D23581851	ĐÀO PHAN KIM	CHI	Nữ	08/04/2005	3		16.13
134	Luật	DLUN2300050	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	Nam	25/09/2005	KV1		18.68
135	Luật	DLUN2300051	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	Nam	25/09/2005	KV1		18.68
136	Luật	D23687270	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	Nam	25/09/2005	1		18.68
137	Luật	D23597174	NGUYỄN BẢO TRÚC	HÂN	Nữ	02/04/2005	2		18.10
138	Luật	DLUN2300037	PHẠM THANH	KHÁNH	Nam	23/07/2005	KV2		18.93
139	Luật	D23784750	TRẦN THỊ ÁNH	LAM	Nữ	03/04/2005	1		15.30
140	Luật	D23924263	NGUYỄN TRẦN THANH	LUYẾN	Nữ	18/12/2005	2		18.18
141	Luật	D23197803	TRẦN QUANG	MINH	Nam	01/08/2005	2		18.88
142	Luật	D23501827	PHAN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	17/05/2005	1		15.88

STT	Tên Ngành	Mã hồ sơ	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	KV	ĐT	Điểm
143	Luật	D23656124	ĐOÀN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	01/02/2005	1		18.18
144	Luật	D23174769	NGUYỄN VŨ THIÊN	NGÂN	Nữ	28/08/2004	3		16.03
145	Luật	D23303971	HUỶNH THẢO	NHI	Nữ	26/04/2005	3		15.40
146	Luật	D23197960	VŨ ĐOÀN THANH	TÂM	Nữ	10/03/2005	3		16.80
147	Luật	D23629132	HUỶNH VIỆT	TÂN	Nam	10/10/2005	1		16.25
148	Luật	D23193858	NGUYỄN NỮ NGỌC	THANH	Nữ	12/09/2005	2		16.53
149	Luật	D23241745	ĐÌNH NGỌC MINH	THỨ	Nữ	02/08/2005	2		17.60
150	Luật	DLUN2300008	NGUYỄN KHÁNH	TRANG	Nữ	09/11/2005	KV2		15.38
151	Luật	D23420689	TRẦN QUỐC	VINH	Nam	08/01/2005	2		15.15
152	Luật	D23323191	NGUYỄN LONG	VŨ	Nam	10/07/2005	2		18.23
153	Luật	D23193924	VŨ NGUYỄN UYÊN	VY	Nữ	24/06/2005	1		17.35
154	Luật hình sự và tố tụng hình sự	D23515164	PHẠM NGỌC MINH	CHÂU	Nữ	06/07/2005	3		19.60
155	Luật hình sự và tố tụng hình sự	DLUN2300050	NGUYỄN MẠNH	CUÔNG	Nam	25/09/2005	KV1		18.68
156	Luật hình sự và tố tụng hình sự	DLUN2300051	NGUYỄN MẠNH	CUÔNG	Nam	25/09/2005	KV1		18.68
157	Luật hình sự và tố tụng hình sự	D23612098	ĐẶNG BẢO	HÂN	Nữ	22/11/2005	3		16.05
158	Luật hình sự và tố tụng hình sự	DLUN2300009	ĐỖ VĨNH	KHANG	Nam	01/04/2005	KV2		16.33
159	Luật hình sự và tố tụng hình sự	DLUN2300028	VÕ AN	KHANG	Nam	23/11/2005	KV2		20.80
160	Luật hình sự và tố tụng hình sự	D23371945	ĐỖ VĨNH	KHANG	Nam	01/04/2005	2		16.33
161	Luật hình sự và tố tụng hình sự	D23825790	NGUYỄN CHÍ QUANG	SANG	Nam	05/11/2005	1		17.18
162	Luật hình sự và tố tụng hình sự	D23629132	HUỶNH VIỆT	TÂN	Nam	10/10/2005	1		16.25
163	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300040	NGUYỄN LÊ XUÂN	AN	Nam	29/11/2005	KV1		16.95
164	Ngôn ngữ Anh	D23925436	LÊ NGUYỄN HOÀI	AN	Nữ	27/07/2005	2		18.50
165	Ngôn ngữ Anh	D23650654	LÊ QUỐC	AN	Nam	02/10/2005	1		19.88
166	Ngôn ngữ Anh	D23598235	HOÀNG MINH	ANH	Nữ	08/12/2005	2		17.83
167	Ngôn ngữ Anh	D23680654	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	21/11/2005	3		15.35
168	Ngôn ngữ Anh	D23841873	TRẦN VŨ LAN	ANH	Nữ	18/07/2005	2NT		16.85
169	Ngôn ngữ Anh	D23829576	VÕ GIA	BẢO	Nam	27/12/2005	2		18.63
170	Ngôn ngữ Anh	D23718740	NGUYỄN HỮU THÁI	DƯƠNG	Nam	02/02/2005	2		17.58
171	Ngôn ngữ Anh	D23456703	NGUYỄN THIÊN	HÂN	Nữ	27/08/2005	3		19.45
172	Ngôn ngữ Anh	D23576024	HỒ PHƯƠNG ÁI	HẬU	Nữ	20/12/2005	1		19.40
173	Ngôn ngữ Anh	D23468509	NGUYỄN THỊ	HIỀN	Nữ	07/03/2005	2NT		19.20
174	Ngôn ngữ Anh	D23497819	ĐỖ THỊ THÁI	HIỀN	Nữ	09/04/2005	1		21.65
175	Ngôn ngữ Anh	D23325893	PHẠM MINH	HIỀN	Nam	15/12/2005	2NT		17.30
176	Ngôn ngữ Anh	D23592890	VŨ TRỌNG	HUẤN	Nam	06/11/2005	2		15.65
177	Ngôn ngữ Anh	D23530214	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	Nữ	12/04/2005	2		17.53
178	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300037	PHẠM THANH	KHÁNH	Nam	23/07/2005	KV2		18.93
179	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300052	NGUYỄN ANH	KHÔI	Nam	26/06/2004	KV2		17.78
180	Ngôn ngữ Anh	D23816264	NGUYỄN ANH	KHÔI	Nam	26/06/2004	1		18.28
181	Ngôn ngữ Anh	D23242651	TRẦN THỊ NGỌC	LIÊN	Nữ	14/08/2005	2	06	18.05
182	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300046	NGUYỄN TRẦN THANH	LUYẾN	Nữ	18/12/2005	KV2		18.18
183	Ngôn ngữ Anh	D23924263	NGUYỄN TRẦN THANH	LUYẾN	Nữ	18/12/2005	2		18.18
184	Ngôn ngữ Anh	D23327390	LÂM ĐIỀU	LY	Nữ	17/06/2005	2		16.83
185	Ngôn ngữ Anh	D23527858	LÊ LƯƠNG GIA	MẮN	Nữ	09/11/2005	1		18.93
186	Ngôn ngữ Anh	D23690197	LÀU CẨM	MINH	Nam	24/10/2005	2	05	18.70
187	Ngôn ngữ Anh	D23124941	NGUYỄN QUANG	MINH	Nam	13/10/2005	2NT		16.55
188	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300022	ĐỖ TRẦN BẢO	NGỌC	Nữ	01/11/2005	KV2		18.28
189	Ngôn ngữ Anh	D23183295	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	Nữ	22/09/2005	1		17.98
190	Ngôn ngữ Anh	D23963486	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	Nam	20/06/2004	3		21.73
191	Ngôn ngữ Anh	D23694975	ĐOÀN THỊ XUÂN	QUỶNH	Nữ	15/05/2005	2NT		17.20
192	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300011	TRƯƠNG THANH	TÀI	Nam	29/09/2005	KV2		19.50

STT	Tên Ngành	Mã hồ sơ	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	KV	ĐT	Điểm
193	Ngôn ngữ Anh	D23815693	ĐẶNG MINH	TÀI	Nam	14/03/2005	2		17.08
194	Ngôn ngữ Anh	D23465846	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	Nam	02/03/2005	2		15.08
195	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300054	VÕ TRẦN ANH	THỨ	Nữ	24/08/2003	KV2		20.90
196	Ngôn ngữ Anh	D23961818	VÕ TRẦN ANH	THỨ	Nữ	24/08/2003	1		21.40
197	Ngôn ngữ Anh	D23987426	TRẦN TÂM	THỨ	Nữ	17/06/2005	2		18.90
198	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300008	NGUYỄN KHÁNH	TRANG	Nữ	09/11/2005	KV2		15.38
199	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300039	NGUYỄN THỊ LÊ	UYÊN	Nữ	09/07/2005	KV2		15.73
200	Ngôn ngữ Anh	DLUN2300030	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VI	Nữ	24/10/2005	KV1		20.95
201	Nông học	D23124517	NGUYỄN CẢNH	ẤN	Nam	31/10/2002	2	03	15.75
202	Nông học	D23912790	VÕ QUÝ	HOÀ	Nam	30/12/2005	1		16.48
203	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23892540	ĐÀO QUỲNH	ANH	Nữ	14/09/2005	1		17.18
204	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23742579	PHAN VƯƠNG HẠNH	DUYÊN	Nữ	20/02/2005	3		19.93
205	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23165695	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	Nữ	20/05/2005	2		15.03
206	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23121526	NGUYỄN QUỐC	HUÂN	Nam	25/02/2005	2		15.98
207	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23857656	LÊ ĐĂNG	KHOA	Nam	26/10/2005	1		20.10
208	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23171835	ĐẶNG TẤN	LỘC	Nam	22/03/2005	2NT		16.15
209	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23489429	LÝ THÁI THỦY	NGÂN	Nữ	05/01/2005	2		15.30
210	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23530403	HUỶNH NỮ MỸ	QUYÊN	Nữ	27/04/2005	2		20.40
211	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23694975	ĐOÀN THỊ XUÂN	QUỲNH	Nữ	15/05/2005	2NT		17.20
212	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23718380	TÔ HỒNG	THÁI	Nam	25/12/2005	2NT		15.28
213	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23287847	THỦY PHẠM PHƯƠNG	THI	Nữ	06/10/2005	1		17.65
214	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23936532	NGUYỄN THỦY	TRANG	Nữ	07/06/2005	1		19.08
215	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23487964	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	Nữ	31/01/2005	1		16.95
216	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23314584	TRẦN HOÀNG	TUÔNG	Nam	18/09/2005	3	03	18.35
217	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23282536	NGUYỄN THỊ YẾN	VI	Nữ	29/09/2005	2		17.40
218	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23187907	CAO THẢO	VY	Nữ	14/05/2005	2		20.13
219	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D23240982	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	Nữ	01/01/2005	1		18.70
220	Quản trị Kinh doanh	DLUN2300048	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	08/11/2005	KV2		21.10
221	Quản trị kinh doanh	D23383248	HOÀNG THANH	BÌNH	Nam	03/02/2005	2		21.38
222	Quản trị kinh doanh	D23581851	ĐÀO PHAN KIM	CHI	Nữ	08/04/2005	3		16.13
223	Quản trị Kinh doanh	DLUN2300015	PHẠM NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	23/03/2005	KV2NT		16.75
224	Quản trị Kinh doanh	DLUN2300005	HUỶNH KHÁNH	ĐOÀN	Nữ	03/09/2005	KV1		16.35
225	Quản trị Kinh doanh	DLUN2300021	ĐINH NGUYỄN TRUNG	DỮNG	Nam	23/07/2005	KV1		16.43
226	Quản trị kinh doanh	D23597174	NGUYỄN BẢO TRÚC	HÂN	Nữ	02/04/2005	2		18.10
227	Quản trị kinh doanh	D23106841	ĐỖ LÊ NGỌC	HÂN	Nữ	11/01/2005	2		19.33
228	Quản trị kinh doanh	D23783634	NGUYỄN NGỌC MINH	HIẾU	Nam	14/03/2005	2		15.30
229	Quản trị kinh doanh	D23675621	TẠ TRẦN MINH	HIẾU	Nam	30/08/2005	1		16.35
230	Quản trị kinh doanh	D23121526	NGUYỄN QUỐC	HUÂN	Nam	25/02/2005	2		15.98
231	Quản trị kinh doanh	D23915426	TRỊNH THỊ THU	HƯƠNG	Nữ	01/06/2005	2		16.58
232	Quản trị kinh doanh	D23402869	LÊ THỊ THANH	NGỌC	Nữ	08/05/2005	1		16.23
233	Quản trị kinh doanh	D23234952	NGUYỄN MINH	NHUNG	Nữ	25/03/2005	2		16.68
234	Quản trị kinh doanh	D23927631	HUỶNH NGUYỄN HÙNG	PHÚ	Nam	15/06/2005	1		16.93
235	Quản trị kinh doanh	D23824710	LỖ VINH	QUANG	Nam	02/07/2005	3	06	15.30
236	Quản trị kinh doanh	D23530403	HUỶNH NỮ MỸ	QUYÊN	Nữ	27/04/2005	2		20.40
237	Quản trị kinh doanh	D23580621	NGUYỄN NGỌC ĐIỂM	QUỲNH	Nữ	18/11/2005	2		15.33
238	Quản trị kinh doanh	D23520834	NGUYỄN THANH	THẢO	Nữ	02/01/2005	2		19.13
239	Quản trị kinh doanh	D23478274	NGUYỄN NGỌC ANH	THÓ	Nữ	17/06/2005	1		17.65
240	Quản trị kinh doanh	D23383898	NGUYỄN TRÍ	THÔNG	Nam	13/04/2005	2		18.43
241	Quản trị kinh doanh	D23842439	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	Nữ	05/07/2005	2		18.78
242	Quản trị kinh doanh	D23565356	VÕ PHẠM HOÀNG THỦY	TIỀN	Nữ	24/08/2005	2NT		16.05

STT	Tên Ngành	Mã hồ sơ	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	KV	ĐT	Điểm
243	Quản trị kinh doanh	D23920319	NGUYỄN VĂN	TIỀN	Nam	07/09/2005	2		17.40
244	Quản trị Kinh doanh	DLUN2300053	HÀ THÁI BẢO	TRÂM	Nữ	12/10/2005	KV2		16.75
245	Quốc tế học	D23604859	TRẦN THỊ THÙY	DUYÊN	Nữ	19/07/2005	1		20.40
246	Quốc tế học	DLUN2300037	PHẠM THANH	KHÁNH	Nam	23/07/2005	KV2		18.93
247	Quốc tế học	D23427370	NGUYỄN THỊ THẢO	QUỖNH	Nữ	18/01/2005	2NT		15.73
248	Quốc tế học	DLUN2300035	TẶNG CAO ANH	THÁI	Nam	14/06/2005	KV1		20.18
249	Sinh học	D23890259	NGUYỄN THUY GIA	KHÁNH	Nữ	21/02/2005	3		15.15
250	Sinh học	D23646069	HỒ HẢI	NAM	Nam	27/08/2005	3		17.13
251	Sinh học	D23836858	TRẦN TẤN	TÀI	Nam	13/07/2005	3		17.18
252	Sinh học	D23409512	TRẦN HUY	VŨ	Nam	16/11/2005	2		17.05
253	Sư phạm Hoá học	D23904712	TRẦN NGUYỄN THÁI	HÒA	Nam	12/10/2005	2		20.60
254	Sư phạm Hoá học	D23628308	PHẠM TRẦN THẢO	LINH	Nữ	13/04/2005	2		21.80
255	Sư phạm Hóa học	DLUN2300020	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	Nữ	05/08/2005	KV2		21.75
256	Sư phạm Sinh học	D23313563	LÊ THỊ KIM	NHƯ	Nữ	05/01/2005	2NT		20.93
257	Sư phạm Sinh học	D23186346	PHẠM MINH	THƯ	Nữ	04/03/2005	3		20.55
258	Sư phạm Tiếng Anh	D23171529	ĐOÀN QUỐC	AN	Nam	01/01/2005	1		20.25
259	Sư phạm Tiếng Anh	D23214941	LỤC HOÀNG Ý	HOA	Nữ	12/12/2005	2	06	20.80
260	Sư phạm Tiếng Anh	D23817314	NGÔ PHẠM QUANG	HUY	Nam	18/05/2005	3		20.18
261	Sư phạm Tiếng Anh	D23197934	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	NGHI	Nữ	14/07/2005	2NT		20.15
262	Sư phạm Tiếng Anh	DLUN2300032	LÊ DIỆU	QUỖNH	Nữ	04/11/2005	KV1		21.00
263	Sư phạm Tiếng Anh	DLUN2300017	LÊ THỊ NHƯ	QUỖNH	Nữ	13/09/2005	KV2		21.45
264	Sư phạm Tiếng Anh	D23795343	LÊ THỊ NHƯ	QUỖNH	Nữ	13/09/2005	2		21.45
265	Sư phạm Tiếng Anh	D23183057	LÊ DIỆU	QUỖNH	Nữ	04/11/2005	2		20.50
266	Sư phạm Tiếng Anh	DLUN2300016	LÊ MINH	THẮNG	Nam	11/08/2005	KV3		21.25
267	Sư phạm Tiếng Anh	D23961818	VÕ TRẦN ANH	THƯ	Nữ	24/08/2003	1		21.40
268	Sư phạm Tiếng Anh	D23903289	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	Nữ	14/04/2005	1		20.28
269	Sư phạm Tiếng Anh	D23576341	TRƯƠNG	VĂN	Nam	21/09/2005	2NT		20.00
270	Sư phạm Tiếng Anh	DLUN2300030	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VI	Nữ	24/10/2005	KV1		20.95
271	Sư phạm Toán học	D23171529	ĐOÀN QUỐC	AN	Nam	01/01/2005	1		20.25
272	Sư phạm Toán học	D23238532	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	Nam	22/11/2005	3	04	21.30
273	Sư phạm Toán học	D23642527	HUỖNH ĐÔNG	HÙNG	Nam	09/05/2005	2NT	06	20.40
274	Sư phạm Toán học	DLUN2300028	VÕ AN	KHANG	Nam	23/11/2005	KV2		20.80
275	Sư phạm Toán học	D23817216	VÕ AN	KHANG	Nam	23/11/2005	2		20.80
276	Sư phạm Toán học	D23631467	NGUYỄN HOÀNG BẢO	LAM	Nữ	12/07/2005	3		23.70
277	Sư phạm Toán học	DLUN2300020	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	Nữ	05/08/2005	KV2		21.75
278	Sư phạm Toán học	D23862649	NGUYỄN LÂM	NHẬT	Nam	14/11/2005	2NT		21.05
279	Sư phạm Toán học	D23313563	LÊ THỊ KIM	NHƯ	Nữ	05/01/2005	2NT		20.93
280	Sư phạm Toán học	DLUN2300032	LÊ DIỆU	QUỖNH	Nữ	04/11/2005	KV1		21.00
281	Sư phạm Toán học	D23183057	LÊ DIỆU	QUỖNH	Nữ	04/11/2005	2		20.50
282	Sư phạm Toán học	D23163807	PHẠM XUÂN	QUỖNH	Nữ	07/07/2005	3		21.43
283	Sư phạm Toán học	DLUN2300016	LÊ MINH	THẮNG	Nam	11/08/2005	KV3		21.25
284	Sư phạm Toán học	D23123072	PHẠM VĂN	THÀNH	Nam	26/09/2005	3		20.25
285	Sư phạm Toán học	D23432608	NGÔ THỊ CẨM	TIỀN	Nữ	01/11/2005	2NT		21.98
286	Sư phạm Toán học	DLUN2300029	NGUYỄN VÕ VĂN	TIỀN	Nam	26/02/2005	KV2NT		22.28
287	Sư phạm Toán học	D23346125	NGUYỄN VÕ VĂN	TIỀN	Nam	26/02/2005	2NT		22.28
288	Sư phạm Toán học	DLUN2300043	NGUYỄN HỮU	TRỌNG	Nam	11/11/2005	KV2NT		21.15
289	Sư phạm Toán học	D23974695	LÊ THANH	TÙNG	Nam	02/03/2005	2		20.23
290	Sư phạm Vật lý	D23349582	NGUYỄN PHAN THÀNH	ĐẠT	Nam	01/04/2005	2		20.08
291	Sư phạm Vật lý	D23642527	HUỖNH ĐÔNG	HÙNG	Nam	09/05/2005	2NT	06	20.40
292	Sư phạm Vật lý	D23674754	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRÂM	Nữ	30/03/2005	2NT		22.08

STT	Tên Ngành	Mã hồ sơ	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	KV	ĐT	Điểm
293	Tài chính - Ngân hàng	D23485645	NGUYỄN NGỌC HÀ	ANH	Nữ	13/05/2005	1		17.88
294	Tài chính - Ngân hàng	D23565031	HUỖNH NGUYỄN NGỌC	HÀ	Nữ	30/12/2005	2		16.13
295	Tài chính - Ngân hàng	D23597174	NGUYỄN BẢO TRÚC	HÂN	Nữ	02/04/2005	2		18.10
296	Tài chính - Ngân hàng	D23214941	LỤC HOÀNG Ý	HOA	Nữ	12/12/2005	2	06	20.80
297	Tài chính - Ngân hàng	D23606251	VŨ NGUYỄN KHÁNH	HÙNG	Nam	07/02/2005	3		18.55
298	Tài chính - Ngân hàng	D23924263	NGUYỄN TRẦN THANH	LUYẾN	Nữ	18/12/2005	2		18.18
299	Tài chính - Ngân hàng	D23964942	TRƯƠNG PHAN CẨM	MY	Nữ	28/05/2005	2		17.23
300	Tài chính - Ngân hàng	D23501827	PHAN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	17/05/2005	1		15.88
301	Tài chính - Ngân hàng	D23959795	NGUYỄN NGỌC NGUYỆT	NHI	Nữ	10/10/2005	2		18.65
302	Tài chính - Ngân hàng	D23614510	PHẠM HÀ PHƯƠNG	NHI	Nữ	03/11/2005	1		16.13
303	Tài chính - Ngân hàng	D23901269	ĐẶNG ĐỨC	THÀNH	Nam	02/10/2005	1		17.73
304	Tài chính - Ngân hàng	D23142984	PHẠM TRẦN MAI	THY	Nữ	30/12/2005	2		18.58
305	Tài chính - Ngân hàng	D23565356	VÕ PHẠM HOÀNG THỦY	TIỀN	Nữ	24/08/2005	2NT		16.05
306	Tài chính - Ngân hàng	D23389489	NGUYỄN BÁ THÀNH	TRUNG	Nam	06/02/2005	2		19.45
307	Tài chính - Ngân hàng	DLUN2300021	ĐINH NGUYỄN TRUNG	DŨNG	Nam	23/07/2005	KV1		16.43
308	Tài chính - Ngân hàng	DLUN2300037	PHẠM THANH	KHÁNH	Nam	23/07/2005	KV2		18.93
309	Tài chính - Ngân hàng	DLUN2300041	NGUYỄN HỒNG	LIÊN	Nữ	14/03/2005	KV2		17.85
310	Tài chính - Ngân hàng	DLUN2300045	TRẦN NHƯ	QUỖNH	Nữ	01/01/2005	KV2		15.53
311	Tài chính - Ngân hàng	DLUN2300011	TRƯƠNG THANH	TÀI	Nam	29/09/2005	KV2		19.50
312	Tài chính - Ngân hàng	DLUN2300055	ĐỖ MINH	TRÍ	Nam	16/11/2005	KV2		17.00
313	Toán học	D23465846	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	Nam	02/03/2005	2		15.08
314	Toán học	D23264504	TRẦN BẢO	TRÂM	Nữ	04/10/2005	2		18.63
315	Toán học (Toán - Tin học)	DLUN2300037	PHẠM THANH	KHÁNH	Nam	23/07/2005	KV2		18.93
316	Toán học (Toán - Tin học)	DLUN2300037	PHẠM THANH	KHÁNH	Nam	23/07/2005	KV2		18.93
317	Trung Quốc học	D23973580	LÊ THỊ YẾN	ANH	Nữ	25/03/2005	2		18.85
318	Trung Quốc học	D23570648	HOÀNG NGỌC VI	DIỆU	Nữ	07/06/2005	3		20.08
319	Trung Quốc học	DLUN2300027	VŨ THỊ MINH	NGUYỆT	Nữ	20/03/2005	KV1		16.95
320	Văn hóa Du lịch	D23314584	TRẦN HOÀNG	TUÔNG	Nam	18/09/2005	3	03	18.35
321	Văn học	D23321345	TRẦN HUỆ	MẶN	Nữ	14/05/2005	2NT		15.10
322	Văn học	DLUN2300026	VŨ NGỌC ĐIỂM	QUỖNH	Nữ	19/11/2005	KV2		17.70
323	Vật lý học	D23595635	NGUYỄN ĐẠI	DƯƠNG	Nam	24/05/2005	2		18.58
324	Vật lý học	D23714312	NGUYỄN ĐỨC MINH	TRÍ	Nam	05/06/2005	3		17.55
325	Việt Nam học	DLUN2300041	NGUYỄN HỒNG	LIÊN	Nữ	14/03/2005	KV2		17.85
326	Xã hội học	D23530623	LÊ LỮ MINH	HÂN	Nữ	10/01/2005	3		16.28
327	Xã hội học	D23174769	NGUYỄN VŨ THIÊN	NGÂN	Nữ	28/08/2004	3		16.03
328	Xã hội học	D23794802	NGUYỄN-HUY	NGUYỄN	Nam	23/09/2005	3		15.55
329	Xã hội học	D23314584	TRẦN HOÀNG	TUÔNG	Nam	18/09/2005	3	03	18.35

Tổng danh sách: 329 thí sinh